

VĂN HÓA VÀ NĂNG LƯỢNG

L.T.S – Vấn đề năng lượng là một trong những thách đố lớn của nhân loại vào các thập kỷ sắp tới. Vấn đề này được nêu ra chủ yếu ở phạm vi định lượng và kỹ thuật, nhưng khái cạnh định tính gắn liền với tâm thế và văn hóa cũng rất được quan tâm.

Trong dịp đến thăm và làm việc tại Trung tâm Ba Châu (Centre Tricon – tinentale – CETRI) tại Louvain La Neuve, Bỉ, tháng 4 – 1989, Giáo sư Viện trưởng Viện Xã hội học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã có dịp trao đổi với các nhà Khoa học Bỉ về vấn đề này.

Theo đề nghị của Giáo sư Giám đốc Trung tâm Ba Châu, Viện Xã hội học đã khảo sát vấn đề “Văn hóa và năng lượng” bằng bảng hỏi theo mẫu của UNESCO nhằm thu được những ý kiến, những suy nghĩ của các nhà phụ trách khoa học và chính trị và chuyên gia của các khoa học nhân văn ở Việt Nam.

Căn cứ vào phiếu trưng cầu ý kiến đã thu nhận được để gửi cho UNESCO thông qua Giám đốc Trung tâm Ba Châu, Tạp chí Xã hội học trân trọng giới thiệu một số ý kiến một số quản khoa học, chính trị và chuyên gia các khoa học nhân văn về “vai trò của các giá trị văn hóa trong sự hình thành những thái độ đối với những nguồn năng lượng cho sự phát triển” ở Việt Nam.

Giáo sư – Tiến sĩ VŨ ĐÌNH CỰ

Phó Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam

Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc Gia

Năng lượng là yếu tố quyết định của mọi quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách phát triển năng lượng không chỉ dựa vào nguồn tài nguyên, tiền vốn, công nghệ, thị trường ...v.v... mà còn liên quan trực tiếp với con người và truyền thống văn hóa. Một chính sách năng lượng chỉ có thể thành công khi nó thực sự vì con người, không làm tổn thương những truyền thống văn hóa gây ra bởi sự phát hoại sinh thái.

Gần đây, trên các phương tiện truyền thông đại chúng toàn thế giới, người ta liên tục nhắc nhở các sự kiện: mưa axit ở Bắc Âu, đóng cửa tất cả các nhà máy điện nguyên tử ở Thụy Điển vào năm 2010, tai họa khủng khiếp Techécnoburn ở Liên Xô, tai họa gây ra bởi các công trình thủy điện khổng lồ ở lưu vực sông Amadon, loài người tiến đến giới hạn của sự phát triển.

Nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới, có điều kiện tiếp thu các bài học kinh nghiệm của các nước khác để lựa chọn cho mình một chính sách phát triển năng lượng đúng đắn. Dưới đây, xin nêu lên một vấn đề có liên quan với văn hóa, mà chúng ta cần đề cập, khi xây dựng một chính sách năng lượng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

I - Nguồn năng lượng tái tạo và xã hội cổ truyền Việt Nam

Xã hội cổ truyền Việt Nam bằng những công nghệ độc đáo đã khai thác các nguồn năng lượng tái tạo để thỏa mãn nhu cầu đời sống và xây dựng nền văn hóa dân tộc.

Năng lượng mặt trời là một nguồn năng lượng quan trọng trong nghề nông, nghề đánh cá, nghề làm muối ...v.v... Sân phơi là một bộ phận không thể thiếu được của kiến trúc nhà ở: nó vừa dùng làm nơi sinh hoạt đồng thời là địa điểm sản xuất (trục lúa, phơi thóc, rơm...v.v...). Người ở đồng bằng sông Hồng thường lát sân bằng loại gạch Bát Tràng có màu tro xám với hệ số hấp thụ nhiệt cao. Mọi hình thức khá độc đáo là công nghệ “xếp ải” tức là sau khi cày, đất được xếp lên thành các chõng cao để phơi nắng cho thật khô, trước khi “đổ ải” thức là tát nước vào để bừa. Phần lớn các nghề thủ công (gạch, gốm, dệt, nhuộm...v.v...) đều sử dụng năng lượng mặt trời làm năng lượng quan trọng. Trong chế biến như làm mắm, làm tương, làm bánh ...v.v... năng lượng mặt trời cũng rất quan trọng.

Củi gỗ, than gỗ, các phế thải nông nghiệp ...v.v... là nguồn nguyên liệu cho sinh hoạt và cho sản xuất trong các ngành nghề thủ công. *Dạng nhiên liệu sinh khởi* này chiếm một tỷ trọng áp đảo trong *cân đối năng lượng* của xã hội cổ truyền.

Thủy năng, năng lượng gió được dùng chủ yếu trong giao thông đường thủy (thuyền buồm, thả bè...v.v...). Một số vùng miền núi dùng các thác và suối để có cơ năng bằng các dụng cụ đơn giản gọi là “cọn”.

Động lực sức kéo để làm đất là do các đại gia súc: trâu, bò, ngựa, trong đó trâu là chủ yếu. “Con trâu là đầu cơ nghiệp” vì trâu rất thích hợp và quyết định đối với nghề trồng lúa nước. Có thể nói trong suốt một nghìn năm Bắc thuộc, người phương Bắc không mang lại một loại động lực nào cho kỹ thuật canh tác lúa nước, có hiệu quả và năng suất cao hơn con trâu.

Tổng hợp các nét độc đáo của sự sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo nói riêng và của nền văn hóa công nghệ của xã hội cổ truyền Việt Nam nói chung, chúng ta thấy nổi lên các yếu tố sau:

1. Con người rất tôn trọng nếu không phải là sùng bái tự nhiên, nói theo ngôn ngữ thời nay là tôn trọng sinh thái. Theo cách nghĩ “đất có Thổ Công, sông có Hà Bá” nghĩa là không phải con người muốn làm gì đối với tự nhiên cũng được, mà hãy coi chừng, sẽ có thể bị trừng phạt. Đào một cái ao hay cái giếng có thể chạm “long mạch” thì tai họa khôn lường. Đằng sau lớp vỏ mê tín đó, có chứa đựng một triết lý dân gian uyên thâm như vậy. Tồn tại trong một thiên nhiên nhiệt đới thường xuyên bị đe dọa bởi bão lũ, con người Việt Nam trong xã hội cổ truyền xác định một thái độ có tính chất “tranh thủ” mang màu sắc cầu xin đối với tự nhiên”

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy bát cơm đầy

Lấy rơm đun bếp

Trong văn học truyền khẩu dân gian cũng như các huyền thoại cổ, ta không thấy cá bậc Đại thánh dời non lấp biển hoặc dám tuyên chiến với trời đất. Công trình to lớn duy nhất làm thay đổi địa mạo cả vùng sông lớn và hệ thống đê đại hà cũng chỉ được xây đắp dần và thận trọng, sau khi đã tin tưởng rằng trời chấp nhận sự kiện Sơn Tinh thắng Thủy Tinh.

Có thể nói rằng một đạo lý *sống hài hòa với tự nhiên, bảo vệ sinh thái*, dù ở mức độ còn “ngây thơ” đã sớm hình thành và bền vững trong hệ giá trị của xã hội cổ truyền Việt Nam.

2. Nếp sống cần kiệm là một tiêu chuẩn của đạo đức trong xã hội cổ truyền Việt Nam. Thái độ “dùng – vứt” bị lên án mà thay vào đó phải là “dùng – dùng lại”. Không có đồ dùng nào bị vứt bỏ nếu nó còn có thể sửa chữa hoặc dùng vào một việc khác. Thái độ tiết kiệm tiêu dùng này thực chất là tiết kiệm năng lượng mà kết quả cuối cùng của nó là bảo vệ sinh thái.

Đáng suy nghĩ về điều này, khi các xã hội tiêu thụ ngày nay đang là thủ phạm của sự phá hoại sinh thái.

3. Trong xã hội nông nghiệp truyền thống Việt Nam trên cơ sở công nghệ cấy lúa nước làm cốt lõi đã hình thành một hệ thống *công nghệ không phế thải*.

Đáng chú ý là để nâng cao năng suất lúa cần phải tăng phân đạm (ngoài phân chuồng do chăn nuôi). Ở đồng lúa Việt Nam đã dùng bèo hoa dâu, là một loại thực vật có khả năng cố định đạm từ không khí. Đó thực sự là một loại phân đạm có từ rất lâu đời ở nước ta. Bèo hoa dâu có thể nói là một loại xí nghiệp *sản xuất phân đạm không phế thải và dùng năng lượng mặt trời*.

Theo quan điểm sinh thái thì phân đạm Urea đang bị lạm dụng và trở thành nguy cơ thực sự. Người ta đang tìm cách để trở về với phân đạm sinh học (Bio fertiliser) mà bèo hoa dâu là một thực vật thí dụ nổi bật.

Tuy nhiên chúng ta phải thấy rằng một xã hội chỉ dùng các nguồn năng lượng tái tạo ở dạng tự nhiên, nghĩa là với *mật độ năng lượng thấp* thì xã hội đó không thể phát triển nhanh nếu không nói là trì trệ.

Đó chính là bài toán cơ bản với mâu thuẫn không dễ giải quyết giữa yêu cầu tốc độ phát triển cao và bảo vệ sinh thái mà tất cả các nước phát triển đang phát triển, trong đó có Việt Nam gặp phải khi chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa.

II – Năng lượng công nghiệp hóa với chủ nghĩa thực dân và chiến tranh diệt sinh

Từ cuối thế kỷ 19, xã hội truyền thống Việt Nam “bị” tiếp nhận ảnh hưởng công nghiệp từ phương Tây tới. Một vị quan tâu rằng ở Tây Dương có đèn treo ngược liền bị vị Hoàng đế khép tội dối vua. Năng lượng điện còn là điều bí ẩn. Nhưng tiếp theo tàu đồng và đại bác là một chủ nghĩa tư bản thực dân lao vào “ngẫu nhiên” một đất nước còn đầy ắp tài nguyên. Họ cần năng lượng để cướp đoạt nhiều hơn và nhanh hơn. Mỏ than lộ thiên ở Quảng Ninh được khai thác một số nhà máy nhiệt điện được xây dựng ở một số thành phố lớn đủ để cung cấp cho một số xí nghiệp sửa chữa cơ khí, công nghiệp nhẹ và đảm bảo sinh hoạt cho các tầng lớp quan lại, tư sản.

Người dân quê vẫn sống với những nguồn năng lượng cổ truyền của mình. Trong gần 80 năm của chủ nghĩa thực dân, những biến đổi về cơ cấu năng lượng và văn hóa một mặt vì gặp sức đối kháng quyết liệt mặt khác do chưa đáng kể về lượng đã không có tác dụng làm thay đổi về chất xã hội Việt Nam. Chủ yếu vẫn là xã hội nông nghiệp với nhiều sắc thái cổ truyền cộng sinh với một nền công nghiệp nhỏ bé của chủ nghĩa thực dân.

Tiếp đó là hai cuộc chiến tranh khốc liệt. Một số nhà máy điện mới dựng lên liền bị phá hủy. Hàng triệu ga lông chất độc hóa học có chứa đioxin đã được rải xuống một vùng rộng lớn ở Nam Việt Nam. Lần đầu tiên một hình thức chiến tranh diệt sinh được thực hiện. Nó được kết hợp với chiến tranh khí hậu, làm thay đổi quy luật mưa của suốt một dải hàng ngàn kilomet

Nhưng rồi lượng bom đạn khổng lồ, tương đương như của toàn thế giới đại chiến II, cũng phải có trái bom cuối cùng. Và thế giới sẽ còn phải suy nghĩ về sự kiện này. Riêng nhà hoạt động chính trị - xã hội Nhật Bản Đại-xa-cu I-Kê-da thì tán thành sy kiến của Ác-môn Tôi-nơ-bi cho rằng đó là một sự dũng cảm hiếm có chống lại một sự áp đặt văn hóa phương Tây cho một dân tộc phương Đông.

III – Năng lượng cho rông bay

Châu Á đã có 4 con rông bay. Hà Nội là thành phố rông bay, lẽ nào con rông Việt Nam không cất cánh!

Từ ngày thống nhất đất nước, đã có những cố gắng phi thường phát triển năng lượng chuẩn bị cho quá trình công nghiệp hóa.

Nhà máy thủy điện khổng lồ Hòa Bình đã cung cấp dòng điện. Nhà máy thủy điện Trị An ở phía Nam đã hoàn thành. Dàn khoan khai thác dầu ngoài khơi trên vùng Hồ trắng đã cung cấp hàng vạn tấn vàng đen...v..v...

Cơ cấu năng lượng đã thay đổi về chất, phần nhiên liệu thực vật chỉ còn chiếm 47%, than 28%, dầu khí 15%, thủy năng 10% (con số dự kiến của năm 1989).

Tuy nhiên mức năng lượng tính cho một người còn rất thấp. Tổng tiêu thụ năng lượng khoảng trên 300 kg NLQG⁽¹⁾/người x năm, trong đó tiêu thụ năng lượng thương mại khoảng 140kg NLQC/người x năm (để so sánh: Ấn Độ 220; Trung Quốc 650; Liên Xô 6700).

Bên cạnh đó, cũng như nhiều nước đang phát triển khác, chúng ta đang bị xích bởi các gong kim: lãng phí và tăng dân số quá nhanh. Năng lượng mà chúng ta sử dụng hiện nay còn lãng phí đến 20 – 30%. Bùng nổ dân số tiếp tục tác động đến nạn phá rừng, hiện nay hàng năm đang mất đi hàng chục ngàn ha rừng, kể cả rừng đầu nguồn và rừng nguyên sinh.

Để thúc đẩy công nghiệp hóa, tăng thu nhập quốc dân (tính trên đầu người) tạo điều kiện cho con rông Việt Nam bay, phải tiếp tục tích cực phát triển tăng nhanh các nguồn năng lượng. Dự báo đến năm 2000 với số dân 78,8 triệu người thì tổng năng lượng tiêu thụ phải khoảng 40 triệu tấn NLQC, nghĩa là 500kg NLQC/người x năm.

¹ NLQC: Năng lượng quy chuẩn

Tuy nhiên, để đảm bảo cho một sự phát triển kinh tế - văn hóa hài hòa tránh những tai họa khôn lường, trong chính sách phát triển năng lượng cần phải giải quyết các vấn đề cốt tử sau đây:

1. Tiếp tục phát huy truyền thống dân tộc, không chạy theo *xã hội tiêu thụ* (thí dụ: có nên có quá nhiều ô tô tư nhân để tăng nghẽn như ở Bangkok hiện nay hay không?). Đời sống vật chất chịu hợp lý và tiết kiệm. Kết quả là tiết kiệm tối đa năng lượng.

2. Ưu tiên bảo vệ sinh thái, lựa chọn công nghệ tiêu thụ ít năng lượng, công nghệ không phế thải: phát huy truyền thống dùng đạm sinh học (bèo hoa dâu...) trong nông nghiệp.

3. Có kế hoạch đồng bộ giảm tốc độ tăng dân số. Có chính sách điều tiết thu nhập chuyển một phần lợi nhuận của việc sử dụng điện năng của các nhà máy thủy điện cho các nhóm cư dân chịu ảnh hưởng tiêu cực của việc xây dựng hồ chứa nước và để trồng rừng đầu nguồn.

4. Có chính sách về năng lượng nguyên tử. Liệu Việt Nam có tránh được năng lượng nguyên tử hay không? Nếu không thì phải có sự chuẩn bị như thế nào?

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất và quản lý năng lượng. Phát triển công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, vừa phát huy truyền thống vừa hiện đại hóa. Phi tập trung hóa ở mức độ hợp lý hệ thống năng lượng.

Vấn đề năng lượng và văn hóa mà gắn liền với nó là vấn đề ô nhiễm sinh thái ngày nay đã trở thành vấn đề toàn cầu, chí ít cũng là vấn đề khu vực.

Các nước giàu, thu nhập quốc dân tính trên đầu người đạt 10.000 đô la/năm đã tung vào bầu khí quyển hàng tỷ tấn CO₂ một năm mà tai họa thì *mọi người phải chịu*. Đó có phải là lẽ công bằng hay không?

Cần có một công ước quốc tế bảo đảm an toàn và công bằng cho các dân tộc lớn và nhỏ, giàu và nghèo trong lĩnh vực năng lượng và ô nhiễm sinh thái.